TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/DS-ST
Ngày: 05-9-2020
Về việc Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 143/42C, khu phố Đ2, phường H, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 15A Hùng V, khu phố 2, thị xã K, tỉnh L. Chỗ ở hiện nay: Số 95A, đường P, khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 15/5/2020). Có mặt.

- *Bị đơn:*

1/ Ông Võ Văn N, sinh năm 1962. Địa chỉ số 130, đường S, khu phố T, phường H, thành phố A, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bà Đặng Thị Ngọc Đ (tên gọi khác Chị Hai R), sinh năm 1955. Địa chỉ: 955A/16, khu phố T1, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Bá Q, sinh 1976. Địa chỉ: 82B/21, khu phố N1, phường B A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1967 (tên gọi khác: Ngọc E); địa chỉ: Số 82B/21, khu phố N1, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1965; địa chỉ: Số 83B/21, khu phố N1, phường A, thành phố D, tỉnh B, hiện đang bị tạm giam. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày:

Năm 2017, ông Nguyễn Thanh M tham gia chơi 01 dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác: Ngọc E) làm chủ hụi. Dây hụi có 15 người chơi, gồm 21 phần, một phần đóng 20.000.000 đồng/tháng. Ông Nguyễn Thanh M tham gia 01 phần. Theo thỏa thuận, dây hụi khui mỗi tháng 01 lần, thành viên bỏ lãi cao thì được lĩnh hụi, chủ hụi được hưởng hoa hồng 10.000.000 đồng/01 dây hụi, người lĩnh hụi sẽ có trách nhiệm thanh toán hoa hồng cho chủ hụi. Bà Nguyễn Thị Kim L vừa là chủ hụi vừa là thành viên tham gia chơi hụi.

Hụi đã được khui làm 03 kỳ, cụ thể:

- Kỳ 1: Khui ngày 15/6/2017: Bỏ lãi 3.000.000 đồng/phần. Có 02 phần thành viên không đóng. Bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai R) hốt số tiền 323.000.000 đồng.

- Kỳ 2: Khui ngày 14/7/2017: Bỏ lãi 5.200.000 đồng/phần. Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Võ Văn N hốt số tiền 284.666.000 đồng.

- Kỳ 3: Khui ngày 18/8/2017: Bỏ lãi 4.500.000 đồng/phần. Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Nguyễn Bá Q hốt số tiền 319.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà các bị đơn hốt hụi có tiền của ông M đóng vào như sau: Ông Võ Văn N hốt hụi 284.666.000 đồng, trong đó có tiền của ông M là 20.000.000 đồng; bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai R) hốt hụi 323.000.000 đồng, trong đó có tiền của ông M là 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Bá Q hốt hụi 319.000.000 đồng, trong đó có tiền của ông M là 20.000.000 đồng.

Sau khi các bị đơn lĩnh hụi thì không đóng tiếp nữa làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Từ tháng 9/2017, các dây hụi không hoạt động nữa. Năm 2018, ông N đã trả cho ông M 15.039.832 đồng, còn nợ lại 4.960.168 đồng, bà Đ trả 2.259.0007 đồng, còn nợ lại 17.740.993 đồng, ông Q trả 2.259.0007 đồng, còn nợ lại 17.740.993 đồng.

Quá trình tố tụng, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Võ Văn N hoàn trả 4.960.168 đồng nợ hụi và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 1.341.947 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)), lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 6.302.116 đồng.

- Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai R) hoàn trả 17.740.993 đồng nợ hụi và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 4.799.732 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)), lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 22.540.725 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Bá Q hoàn trả 17.740.993 đồng nợ hụi và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 4.799.732 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)), lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 22.540.725 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng thời xác định các yêu cầu cụ thể như sau:

+ Buộc ông Võ Văn N có trách nhiệm trả cho ông M số tiền hụi còn nợ là 4.960.168 đồng;

+ Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai R) có trách nhiệm trả cho ông Minh số tiền hụi còn nợ là 17.740.993 đồng;

+ Buộc ông Nguyễn Bá Q có trách nhiệm trả cho ông M số tiền hụi còn nợ là 17.740.993 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 02/7/2020, bị đơn ông Võ Văn N trình bày:

Ông quen biết bà Nguyễn Thị Kim N do làm ăn chung với nhau, còn bà Nguyễn Thị Kim L ông biết là em gái của bà N. Ông Nguyễn Thanh M là thành viên cùng tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi.

Khoảng tháng 4,5/2017, bà Nguyễn Thị Kim N rủ chơi hụi. Đến tháng 6/2017 bắt đầu chính thức khui hụi. Tất cả có 03 dây hụi, mỗi dây có 15 thành viên. Ông tham gia 03 dây, mỗi dây 02 phần, mỗi phần đóng 20.000.000 đồng. Kỳ khui hụi, thành viên đóng phần hụi sống sau khi trừ tiền lãi. Ông N đã lĩnh 04 phần hụi với tổng số tiền là 1.177.000.000 đồng, ông đóng tiền hoa hồng cho bà N 40.000.000 đồng, còn bà N chia số tiền hoa hồng cho ai thì ông không biết. Trong số tiền hụi ông lĩnh có phần đóng hụi sống của ông M là 46.500.000 đồng, sau khi trừ phần lãi. Trường hợp dây hụi vẫn tiếp tục hoạt động thì ông M lĩnh hụi trong đó ông phải đóng phần hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng.

Trong tổng số tiền hụi, ông N lĩnh 1.177.000.000 đồng, ông không nhận về mà bà N giữ, đồng thời ông đưa thêm 23.000.000 đồng cho bà N là 1.200.000.000 đồng để bà N mua cổ phần FPT. Số tiền này là số tiền bà N lừa đảo chiếm đoạt tài sản và ông là bị hại trong vụ án hình sự đang được cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B điều tra. Từ 9/2017, các dây hụi không hoạt động nữa, bà N bị cơ quan điều tra truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện đang bị tạm giam. Ông N xác định số tiền hụi ông lĩnh ông không nhận mà bà N giữ nên bà N phải có trách nhiệm trả tiền cho ông M, ông không đồng ý

với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020, bị đơn bà Đặng Thị Ngọc Đ trình bày: Năm 2017 bà có tham gia chơi 01 một phần của 01 dây hụi trong số 03 dây hụi bà Nguyễn Thị Kim N (N Chị) làm chủ hụi. Các thành viên thỏa thuận để bà Nguyễn Thị Kim L (N Em) làm chủ hụi nhưng thực chất là điều hành hay thu hụi đều do bà N Chị đứng ra tổ chức và nhận tiền của các hụi viên, bà Đ chỉ hốt hụi với số tiền 306.000.000 đồng, đóng số tiền hoa hồng cho bà N Em 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là 296.000.000 đồng, bà đóng thêm 4.000.000 đồng là đủ 300.000.000 đồng để bà N Chị nộp mua cổ phần cho bà. Thực tế bà không được nhận tiền, toàn bộ là do bà N Chị làm cho bà. Nay ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà hoàn trả số tiền nợ hụi 17.740.993 đồng, bà không đồng ý. Bà Kim N là người nhận số tiền đó và dùng để mua cổ phần của FTP, nên bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N phải có trách nhiệm trả cho ông M số tiền hụi trên.

- Tại bản tự khai ngày 30/6/2020, bị đơn ông Nguyễn Bá Q trình bày: Tháng 6/2017 bà N và bạn bè của bà Nguyễn Thị Kim N mua cổ phần FPT, ông không có tiền mua cổ phần, bà N muốn giúp đỡ ông có thêm thu nhập nên đã ghi tên ông tham chơi một phần hụi để mua cổ phần FPT. Bà N đã bỏ tiền ra mua cổ phần FPT cho ông. Tháng 8/2017 bà N hốt hụi mang tên ông. Từ việc chơi hụi và mua cổ phần đều do bà N sắp xếp cho ông, ông Q có biết ông M nhưng không tiếp xúc, không có bất cứ thỏa thuận nào và cũng không ký nhận tiền gì từ ông M. Vì vậy, ông M yêu cầu ông phải trả tiền hụi ông không đồng ý vì ông không hốt hụi mà do bà Kim N hốt nên bà Kim N phải có trách nhiệm trả tiền hụi cho ông M.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Năm 2017 bà Nguyễn Thị Kim N (N chị) có nói bà L làm chủ hụi và cũng nói bà L tham gia chơi hụi, nhưng tôi làm chủ hụi chỉ là hình thức, còn mọi hoạt động tổ chức và rủ các hụi tham gia chơi hụi là do bà N Chị. Đến kỳ đóng tiền thì các hụi viên đóng cho tôi (L) nhưng ngay sau khi các hụi viên đóng tiền thì tôi chuyển luôn số tiền mà các hụi viên đã đóng cho hụi viên hốt hụi của kỳ đó. Còn việc tôi tham gia chơi hụi là do bà N Chị đóng tiền và bà N Chị cũng là người hốt hụi phần của tôi, số tiền bao nhiêu thì tôi cũng không biết (vì tôi không được nhận) và bà N sử dụng luôn số tiền này. Các thành viên tham gia chơi hụi thì tôi có biết một số người như: Ông Võ Văn N (Anh 3); ông Phan Văn B; ông Nguyễn Bá Q; ông Nguyễn Anh T; bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị M; anh tư Cường; anh C, em T, em K, anh C…, và một số người biết mặt nhưng không biết tên. Nay ông Nguyễn Thanh M khởi kiện yêu cầu ông N trả 4.960.168 đồng; bà Đ trả 17.740.993 đồng và ông Q trả 17.740.993 đồng thì không liên quan đến bà L, các bên tự giải quyết với nhau.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà là chị ruột của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Bá Q, còn ông N, ông M, bà Đ là người quen biết cùng tham gia chơi hụi.

Khoảng tháng 6/2017, bà có tham gia chơi 03 dây hụi, lúc đầu các thành viên trong dây hụi đề cử bà là chủ hụi nhưng bà không làm mà để cho bà L làm chủ hụi vì hoàn cảnh của bà L khó khăn, mọi người thống nhất chi tiền hoa hồng cho bà L để giúp đỡ bà L. Tiền hoa hồng là 10.000.000 đồng/01 lần lĩnh hụi. Trong 03 dây hụi, bà N chơi 07 phần, mỗi phần 20.000.000 đồng và bà chưa lĩnh phần hụi nào. Ông N đã lĩnh 04 phần, ông B lĩnh hết 02 phần. Số tiền lĩnh hụi của ông N và ông B đã đưa cho bà để bà mua cổ phần FPT. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N đồng ý để ông N có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn. Phần trách nhiệm của ông Q và bà Đ thì sẽ do bà trả thay cho bà Đ và ông Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Tại phiên tòa, nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Đối với yêu cầu các bị đơn trả tiền nợ hụi còn lại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ, ông Nguyễn Bá Q. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc các bị đơn: Ông Võ Văn N bồi thường thiệt hại số tiền 4.960.168 đồng, bà Đặng

Thị Ngọc Đ bồi thường thiệt hại số tiền 4.799.732 đồng, ông Nguyễn Bá Q bồi thường thiệt hại số tiền 4.799.732 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận về việc cùng tham gia chơi hụi trong năm 2017 và các dây hụi đã được khui 03 kỳ, kỳ đầu vào ngày 15/6/2017, kỳ 2 ngày 14/7/2017, kỳ 3 ngày 18/8/2017. Trong đó, ông N đã lĩnh số tiền 284.666.000 đồng, bà Đ lĩnh 01 phần với số tiền 323.000.000 đồng, ông Q lĩnh 01 phần với số tiền 319.000.000 đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ hụi còn lại, thấy rằng: Quan hệ hụi giữa nguyên đơn và các bị đơn là hụi có lãi, nguyên đơn và các bị đơn đều là thành viên cùng tham gia chơi hụi với nhau. Các bị đơn là người đã lĩnh các phần hụi trong đó có phần tiền đã đóng của nguyên đơn. Cụ thể ông M đã đóng 60.000.000 đồng. Các bị đơn ông Võ Văn N hốt hụi 284.666.000 đồng trong đó có tiền của ông M là: 20.000.000 đồng. Bà Đặng Thị Ngọc Đ (Hai R) hốt hụi 323.000.000 đồng trong đó có tiền của ông M là 20.000.000 đồng. Ông Nguyễn Bá Q hốt hụi 319.000.000 đồng trong đó có tiền của ông M là 20.000.000 đồng. Sau 3 kỳ khui hụi, các dây hụi không tiếp tục hoạt động từ tháng 9/2017 cho đến nay. Năm 2018, các bị đơn hoàn trả một phần tiền hụi đã đóng cho nguyên đơn, trong đó: ông N đã trả cho ông M 15.039.832 đồng, còn nợ lại 4.960.168 đồng; bà Ngọc Đ (Hai R) trả 2.259.007 đồng, còn nợ lại 17.740.993 đồng; ông Q trả 2.259.007 đồng, còn nợ lại 17.740.993 đồng. Theo quy định tại Điều 25 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường "*thành viên trong họ hưởng hoa hồng phải trả lãi cho các thành viên khác khi lĩnh họ*" và tại Điều 26 của Nghị định trên cũng quy định "*thành viên trong họ hưởng hoa hồng được hưởng lãi từ thành viên được lĩnh họ*". Do đó, khi các bị đơn lĩnh hụi thì nguyên đơn được hưởng phần lãi trong hụi tương đương trên 01 phần đóng. Theo quy định tại Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường "*trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ và bồi thường thiệt hại nếu có"*. Sau khi lĩnh hụi, các dây hụi không tiếp tục hoạt động nữa nên các bị đơn không đóng tiếp các phần hụi chết đã lĩnh. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại phần hụi sống mà nguyên đơn được hưởng theo quy định là có cơ sở chấp nhận.

[5] Bị đơn ông Võ Văn N cho rằng trong số tiền hụi của 03 phần hụi trong kỳ khui tháng 6 và tháng 7 năm 2019, với số tiền là 807.000.000đ có phần của nguyên đơn đóng, ông không nhận mà bà N giữ lại để mua cổ phần FPT nên ông không có nghĩa vụ phải trả phần tiền hụi nguyên đơn đã đóng và phần lãi hụi mà nguyên đơn được hưởng, ông xác định trách nhiệm trả số tiền này thuộc về bà

Nguyễn Thị Kim N. Căn cứ vào bản tự khai ngày 02/7/2020,ông Võ Văn N thừa nhận có tham gia chơi 06 phần hụi trong 03 dây, ông N đã lĩnh 04 phần hụi với tổng số tiền 1.177.000.000 đồng số tiền này bà N giữ lại và ông đưa thêm cho bà N 23.000.000 đồng để bà N hứa mua cổ phần FPT cho ông. Xét thấy, việc bà N hứa mua cổ phần FPT cho ông N là 01 quan hệ khác và bà N phải có trách nhiệm trả tiền cho ông N nếu ông chứng minh được. Trong vụ án này, nguyên đơn chỉ khởi kiện để yêu cầu bị đơn trả lại phần tiền hụi mà nguyên đơn đã đóng và phần lãi hụi mà nguyên đơn được hưởng theo quy định, không liên quan đến việc ông N đã sử dụng tiền hụi đó vào việc gì. Do đó, ý kiến của ông N về việc đề nghị Tòa án xem xét buộc bà N phải có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn là không có cơ sở.

[6] Quá trình tố tụng, bà Đặng Thị Ngọc Đ, ông Nguyễn Văn Q thừa nhận năm 2017, các thành viên tham gia mua cổ phần FPT có tham gia chơi hụi. Ông, bà cũng được bà Kim N cho tham gia một phần, số tiền tham gia hụi của ông, bà là do bà Kim N (N chị) đóng thay. Các ông, bà cho rằng chủ hụi là bà Nguyễn Thị Kim N (N chị) chứ không phải là bà Nguyễn Thị Kim L. Tuy nhiên, theo lời khai của các thành viên tham gia dây hụi thì khi nhận hụi các thành viên đều trích tiền hoa hồng 10.000.000 đồng và giao cho bà Kim L nhận, tiền đóng hụi cũng do bà Kim L nhận rồi giao lại cho các thành viên nhận hụi, lời khai này của các đương sự cũng phù hợp với lời khai của bà Kim N. Như vậy, bà Kim N không phải là chủ hụi trong các dây hụi này.

[7] Mặc dù khai không thống nhất về người làm chủ hụi nhưng ông Q, bà Đ đều thừa nhận ông, bà không nhận tiền hụi do trước đó ông Q, bà Đ không có tiền để mua cổ phần FPT nên bà N đã ứng tiền ra mua cổ phần cho mình sau đó khi tham gia hụi bà N cũng ứng tiền ra đóng hụi cho bà Đ, ông Q. Khi ông Q, bà Đ được hốt hụi thì toàn bộ số tiền hụi này đều đưa cho bà Ngọc để mua cổ phần FPT chứ không đưa cho các ông, bà. Bà Đ, ông Q xác định trách nhiệm trả số tiền này thuộc về bà Nguyễn Thị Kim N. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2020, bà N cũng đồng ý thanh toán số tiền này thay cho ông Q, bà Đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của ông Q, bà Đ và bà N nên không có cơ sở xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi còn lại .

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ, ông Nguyễn Bá Q phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Bà Đặng Thị Ngọc Đ có đơn xin miễn án phí đề ngày 30/6/2020, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Điệp thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin miễn án phí của bà Điệp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, Điều 147, Điều 228, Điều 241, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự 2015*;*

Căn cứ các Điều 17, 24, 25, 26 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Võ Văn N bồi thường thiệt hại số tiền 1.341.947 (một triệu ba trăm bốn mươi mốt ngàn chín trăm bốn mươi bảy đồng), buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ bồi thường thiệt hại số tiền 4.799.732 (bốn triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi hai đồng); buộc ông Nguyễn Bá Q bồi thường thiệt hại số tiền 4.799.732 (bốn triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi hai đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh M đối với bị đơn ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Bá Q về tranh chấp hụi.

- Buộc ông Võ Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh M số tiền hụi còn nợ là 4.960.168 đồng (bốn triệu chín trăm sáu mươi ngàn một trăm sáu mươi tám đồng);

- Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh M số tiền hụi còn nợ là 17.740.993 (mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi ngàn chín trăm chín mươi ba đồng);

- Buộc ông Nguyễn Bá Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh M số tiền hụi còn nợ là 17.740.993 (mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi ngàn chín trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn N phải chịu 248.000 đồng (hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Ông Nguyễn Bá Q phải chịu 887.000 đồng (tám trăm tám mươi bảy ngàn đồng). Bà Đặng Thị Ngọc Đ được miễn án phí.

Trả lại cho ông Nguyễn Thanh M 1.285.000 (một triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040674 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. D;
- CCTHADS TP. D;
- TAND tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Liên